

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 59
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) được thành lập theo Quyết định số 2188/QĐ-BXD ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng và Quyết định số 242/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng theo Quyết định số 2438/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/07/2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 52 - Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Văn Phúc	Chủ tịch	
Ông Lê Khả Mạnh	Ủy viên	
Ông Trần Tiến Dũng	Ủy viên	
Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Bôn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Phạm Ngọc Tú	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Khả Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Minh Đức	Trưởng ban
Ông Bùi Việt Trung	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Sinh Kiên	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Khả Mạnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016

Số: 1505/2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam - CTCP được lập ngày 30 tháng 05 năm 2016, từ trang 8 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2014 và 31/12/2015, số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả và vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Trên báo cáo tài chính hợp nhất đã thực hiện loại trừ các khoản công nợ và giao dịch nội bộ tuy nhiên còn chênh lệch khoản công nợ phải thu, phải trả và giao dịch nội bộ chưa loại trừ hết. Đồng thời, khoản chênh lệch công nợ giữa Tổng Công ty và Chi nhánh Xây dựng số 1 với số tiền là 6,6 tỷ đồng cũng vẫn đang phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản mục nêu trên, do vậy chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản Dự phòng phải thu khó đòi chưa được trích lập đầy đủ theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền lũy kế đến 31/12/2015 ước tính là 4,22 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty trích đủ khoản dự phòng này thì chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 sẽ tăng lên 4,22 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các khoản công nợ phải thu quá hạn trên một năm với tổng số dư tại 31/12/2015 là 8,8 tỷ đồng chưa được đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh số liệu này hay không.

- Các khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Viwaseen 4 và Viwaseen 15 đang bị lỗ âm vốn chủ sở hữu, Tổng Công ty đang theo dõi giá trị các khoản đầu tư này trên khoản mục "Các khoản phải thu khác" chi tiết "Phải thu về cổ phần hóa" để thực hiện các thủ tục điều chỉnh giảm vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang mô hình công ty Cổ phần với tổng số dư tại ngày 31/12/2015 là 14,04 tỷ đồng. Theo đó báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không thực hiện hợp nhất số liệu của 2 đơn vị này. Vấn đề điều chỉnh giảm vốn Nhà nước này sẽ phụ thuộc vào sự phê duyệt của cơ quan chức năng, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Tại Công ty Cổ phần Xây dựng cấp thoát nước số 1 (Viwaseen.1), Công ty chưa cung cấp tài liệu làm cơ sở ghi nhận giá vốn hàng bán trong năm 2015 với tổng số tiền là 38,03 tỷ đồng. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.
- Do hạn chế phạm vi kiểm toán nên chúng tôi không thể tham gia kiểm toán Công ty Cổ phần Viwaseen Phương Hướng (Công ty con của Tổng Công ty), do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị của tài sản và nợ phải trả của Công ty con này với tổng số tiền tại 31/12/2015 lần lượt là 7,5 tỷ đồng và 155 triệu đồng.
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc đang được kế toán theo phương pháp giá gốc do không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty này. Trong năm 2015 Tổng Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty này, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tổng Công ty chưa ghi nhận số tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất do chưa có quyết định phản hồi từ cơ quan thuế. Với những bằng chứng hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh số liệu này hay không. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 38 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí một số công trình đã ghi nhận đủ doanh thu với số tiền là 81,2 tỷ đồng. Bên cạnh đó với những công trình đang thực hiện, một số công trình chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tập hợp đang vượt giá trị còn được thanh toán theo hợp đồng với số tiền là 14,82 tỷ đồng và một số công trình tồn đọng trong năm không phát sinh chi phí với tổng số tiền là 29,2 tỷ đồng. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Tổng Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/07/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105976 ngày 01/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tuy nhiên, số liệu so sánh năm 2014 trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm số liệu 6 tháng đầu năm 2014 là của Công ty TNHH Một thành viên và số liệu 6 tháng cuối năm 2014 là của Công ty Cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc vấn đề sau:

- Tại thời điểm 30/06/2014, Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị tài sản và nguồn vốn theo Biên bản thẩm tra kết quả xử lý tài chính và Xác định giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam tại thời điểm 01/10/2011 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt. Tại thời điểm kiểm toán các số liệu tài sản, nguồn vốn từ thời điểm 30/06/2014 trở về trước đã được Cục thuế Hà Nội quyết toán để làm cơ sở cho việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Tổng công ty từ Doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt theo Quyết định số 606/QĐ-BXD ngày 02/06/2014 và Quyết định số 2438/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Đến thời điểm 31/12/2015, quyết toán Cổ phần hóa để chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần chưa được các cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.
- Theo trình bày tại Thuyết minh số 10 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí xây dựng cơ bản Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Nhà máy nước Sông Đuống với số tiền tại 31/12/2015 là 3,72 tỷ đồng chưa được Tổng Công ty làm việc với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội để thống nhất giá trị bàn giao.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc: Công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng và vay ngắn hạn chưa đối chiếu đầy đủ; công nợ nội bộ chưa được loại trừ toàn bộ; công nợ giữa Tổng Công ty và Chi nhánh Xây dựng số 1 chênh lệch 6,6 tỷ đồng; Dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa được trích lập đầy đủ; Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2013 phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2014; kiểm toán viên không chứng kiến kê tiền mặt, hàng tồn kho, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định và không khẳng định được tính hiện hữu của các khoản mục này; khoản điều chỉnh giảm vốn nhà nước đối với khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Viwaseen 4 và Viwaseen 15 đang lỗ âm vốn chủ sở hữu được theo dõi trên Khoản mục Phải thu khác; Công ty Cổ phần Viwaseen 6 chưa xây dựng tiêu thức đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đối với các công trình do Ban điều hành của Công ty trực tiếp quản lý; Tại Công ty Cổ phần Xây dựng cấp thoát nước số 1 (Viwaseen.1), các khoản chi phí vật liệu, máy thi công trong giá vốn công trình được tập hợp theo cơ cấu dự toán công trình, tuy nhiên cơ sở chứng từ để hạch toán và ghi nhận các khoản chi phí này của một số công trình còn chưa đầy đủ; Giới hạn kiểm toán đối với Công ty con là Công ty CP Viwaseen Phương Hướng; Khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Viwaseen Tây Bắc đang trình bày theo phương pháp giá gốc; Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đang bao gồm 6 tháng đầu năm 2014 là Công ty TNHH Một thành viên và 6 tháng cuối năm 2014 là Công ty Cổ phần.

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2016

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

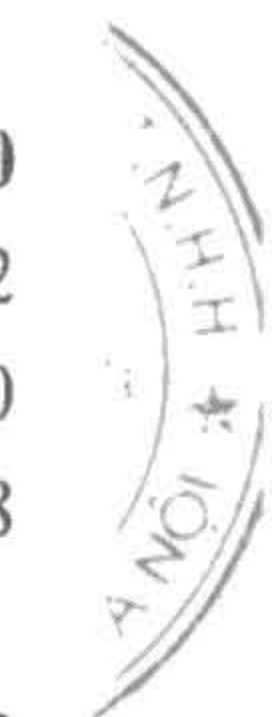
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.780.555.214.950	1.754.280.041.496
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	228.246.525.181	89.609.869.087
111 1. Tiền		128.670.346.582	72.258.955.198
112 2. Các khoản tương đương tiền		99.576.178.599	17.350.913.889
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		86.000.000.000	11.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	86.000.000.000	11.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		837.065.202.944	1.077.366.235.293
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	511.561.790.430	687.198.161.610
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		154.403.493.127	120.489.777.128
134 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây		-	7.456.292
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	6	225.937.320.389	271.850.211.039
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(56.043.965.400)	(3.073.771.644)
139 6. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	1.206.564.398	894.400.868
140 IV. Hàng tồn kho	9	614.905.761.806	558.283.369.876
141 1. Hàng tồn kho		614.905.761.806	558.283.369.876
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		14.337.725.019	18.020.567.240
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.438.140.236	6.370.114.052
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.700.406.983	10.360.496.520
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	1.199.177.800	1.289.956.668
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		622.010.568.183	981.600.611.272
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.404.259.999	1.596.666.531
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	16.260.000
216 2. Phải thu dài hạn khác	6	1.404.259.999	1.580.406.531
220 II. Tài sản cố định		148.158.302.983	149.020.591.614
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	140.233.783.972	144.469.426.768
222 - Nguyên giá		257.472.107.121	263.847.728.490
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(117.238.323.149)	(119.378.301.722)
224 2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	560.602.933	1.318.880.762
225 - Nguyên giá		961.170.909	2.065.451.273
226 - Giá trị hao mòn lũy kế		(400.567.976)	(746.570.511)
227 3. Tài sản cố định vô hình	13	7.363.916.078	3.232.284.084
228 - Nguyên giá		9.128.860.135	4.803.860.135
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.764.944.057)	(1.571.576.051)
230 III. Bất động sản đầu tư	14	71.538.739.445	76.280.422.473
231 - Nguyên giá		113.431.501.845	113.431.501.845
232 - Giá trị hao mòn lũy kế		(41.892.762.400)	(37.151.079.372)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		311.059.055.912	529.769.008.378
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	311.059.055.912	529.769.008.378
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	67.221.830.041	103.204.024.793
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		65.382.818.780	100.144.710.168
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.059.314.625	3.059.314.625
254 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.220.303.364)	-
260 VI. Tài sản dài hạn khác		22.628.379.803	121.729.897.483
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	15	13.176.574.103	98.515.241.883
269 2. Lợi thế thương mại	16	9.451.805.700	23.214.655.600
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.402.565.783.133	2.735.880.652.768



(tiếp theo)

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016

Kế toán trưởng

Bùi Khánh Linh

Lê Khả Mạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.559.705.595.598	1.336.723.964.424
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	1.662.546.091	3.941.452.879
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.558.043.049.507	1.332.782.511.545
11	4. Giá vốn hàng bán	29	1.356.800.206.484	1.164.873.463.888
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		201.242.843.023	167.909.047.657
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	34.690.600.002	20.487.643.713
22	7. Chi phí tài chính	31	48.151.651.896	57.370.654.243
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		40.165.062.292	54.700.913.896
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		3.147.059.509	1.466.866.200
25	9. Chi phí bán hàng		1.265.573.047	3.056.865.207
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	149.499.594.313	97.198.582.519
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.163.683.278	32.237.455.601
31	12. Thu nhập khác	33	40.944.040.649	3.056.268.975
32	13. Chi phí khác	34	17.940.467.173	2.299.301.946
40	14. Lợi nhuận khác		23.003.573.476	756.967.029
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.167.256.754	32.994.422.630
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	33.057.507.538	8.443.979.034
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		30.109.749.216	24.550.443.596
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.743.326.090	13.136.418.557
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.366.423.126	11.414.025.039
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	271	

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, bao gồm 6 tháng đầu năm 2014 là Công ty TNHH Một thành viên và 6 tháng cuối năm 2014 là Công ty Cổ phần nên Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014.

Người lập biểu

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Bùi Khánh Linh

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016



Lê Khả Mạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		63.167.256.754	32.994.422.630
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.167.492.698	23.275.329.268
03	- Các khoản dự phòng		63.799.123.870	(2.621.786.488)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(78.226.175)	(101.390.568)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(193.659.249.540)	(18.518.408.867)
06	- Chi phí lãi vay		40.165.062.292	54.700.913.896
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.561.459.899	89.729.079.871
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		185.417.885.886	(154.389.552.321)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(56.622.391.930)	(12.463.976.520)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(287.228.490.087)	327.329.638.224
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		90.270.641.596	(74.637.701.346)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(39.311.974.577)	(55.126.565.668)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.818.529.936)	(11.881.755.018)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.829.640.981	42.060.603.391
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.016.936.881)	(28.253.147.330)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(118.918.695.049)	122.366.623.283
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(143.869.166.811)	(56.178.393.165)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		371.606.319.370	50.528.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000.000)	(14.049.064.320)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	23.049.064.320
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(4.751.497.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		76.040.000.000	23.926.511.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.010.119.962	6.751.001.854
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		229.787.272.521	(21.201.848.402)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	10.189.390.000
33 2. Tiền thu đi vay		1.077.757.576.036	968.351.202.028
34 3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.042.867.888.071)	(1.082.868.883.442)
35 4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(323.442.966)	-
36 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.670.486.953)	(5.204.295.161)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		27.895.758.046	(109.532.586.575)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		138.764.335.518	(8.367.811.694)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		89.609.869.087	97.979.428.804
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(127.679.424)	(1.748.023)
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>228.246.525.181</u>	<u>89.609.869.087</u>

Người lập biểu

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Bùi Khánh Linh

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016



Lê Khả Mạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) được thành lập theo Quyết định số 2188/QĐ-BXD ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng và Quyết định số 242/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng theo Quyết định số 2438/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/07/2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 52 - Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 580.186.000.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư, xây lắp, kinh doanh dịch vụ, bán hàng hoá.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật các dự án phát triển nhà ở, đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng và môi trường;
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2015 Tổng Công ty hoàn thiện tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần đồng thời thực hiện đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo phê duyệt của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc và Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường với khoản lãi thu được là 30,31 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO thực hiện chuyển nhượng dự án tại Số 10 Phố Quang, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, đem lại lợi nhuận gộp là 126,9 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất thiết bị ngành nước tiến hành thanh lý TSCĐ với lợi nhuận gộp thu được là 26,025 tỷ đồng.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng số các công ty con:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 12
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 2

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty con đầu tư trực tiếp	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECC	TP Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Đầu tư, xây dựng, cho thuê Văn phòng.
Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Hà Nội	53,38%	54,66%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 2 - VIWASEEN.2	Hà Nội	53,50%	54,88%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Hà Nội	56,49%	58,32%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Hà Nội	58,19%	58,35%	Đầu tư, kinh doanh nước sạch.
Công ty Cổ phần Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước - VIWASEEN.11	TP Hồ Chí Minh	53,10%	54,51%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 12-VIWASEEN.12	Khánh Hòa	58,71%	64,31%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất thiết bị ngành nước - VIWASEEN.14	Đồng Nai	63,52%	63,52%	Sản xuất thiết bị ngành nước, xây dựng cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực, Thương mại & Du lịch - Viwamex	Hà Nội	56,40%	53,42%	Du lịch, kinh doanh thương mại.
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường VIWASEEN Phương Hướng	Gia Lai	68,73%	51,00%	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Hà Nội	37,09%	(*)	Xây dựng, cấp thoát nước.

(*): Tổng Công ty có 3/5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen.

Tên công ty con đầu tư gián tiếp	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà Địa Lợi (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước - WASECO)	TP. Hồ Chí Minh	57,00%	95,00%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng.

Các khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty Viwaseen 4 và Viwaseen 15 đang bị lỗ âm vốn chủ sở hữu, Tổng Công ty đang theo dõi giá trị các khoản đầu tư này trên khoản mục "Các khoản phải thu khác" chi tiết "Phải thu về cổ phần hóa" để thực hiện các thủ tục điều chỉnh giảm vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang mô hình công ty Cổ phần với tổng số dư tại ngày 31/12/2015 là 14,04 tỷ đồng. Theo đó báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không thực hiện hợp nhất số liệu của 2 đơn vị này.

- Tổng Công ty có các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen 7	Hà Nội	26,00%	26,00%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt - WAHSIN	Đồng Nai	33,34%	33,34%	Sản xuất Kinh doanh ống gang cầu.
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	Hà Nội	20,00%	20,00%	Kinh doanh thương mại.
Công ty Cổ phần Bất động sản dầu khí - PETROWACO	Hà Nội	24,90%	24,90%	Đầu tư, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Khánh Hòa	50,00%	50,00%	Đầu tư xây dựng nhà máy nước.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	15,00%	(*)	Đầu tư, kinh doanh thương mại.

(*): Tổng Công ty Viwaseen có 2/5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty Cổ phần Xăng dầu, Dầu khí Phú Thọ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 43.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

5 - C
TY
HỮU H
EM TO
ASC
EM - T

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư:* nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và phương pháp nhập trước xuất trước hoặc phương pháp đích danh tùy thuộc vào từng loại hàng tồn kho tương ứng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 32 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	08 - 10 năm
- Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 04 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia sản phẩm của BCC. Tổng Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính giá trị sản phẩm nhận được khi quyết toán hợp đồng hợp tác kinh doanh theo thỏa thuận của BCC.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần trong 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, giá vốn của các công trình đã ghi nhận doanh thu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Theo đó, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là các khoản giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Tại Công ty Cổ phần Khoan và Xây dựng - Viwaseen.3: Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm được tính dựa trên Công văn số 13580/CT-HTr của Cục Thuế TP. Hà Nội ngày 25 tháng 09 năm 2008. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% đối với hoạt động xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp trong thời gian 10 năm. Năm 2015 là năm thứ 9 Công ty được áp dụng mức thuế suất 20%.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp đó.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.977.184.384	5.749.505.373
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.693.162.198	66.509.449.825
Các khoản tương đương tiền (*)	99.576.178.599	17.350.913.889
	228.246.525.181	89.609.869.087

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền tại 31/12/2015 như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại	99.534.932.456
- Tiền gửi tại Công ty Chứng khoán Thiên Việt	41.246.143

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn

31/12/2015		01/01/2015	
Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
86.000.000.000	86.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
86.000.000.000	86.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
86.000.000.000	86.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015				01/01/2015			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen 7	Hà Nội	26,00%	26,00%	1.110.019.090	Hà Nội	26,00%	26,00%	1.166.048.787
Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc (*)	Sơn La	-	-	-	Sơn La	28,44%	28,44%	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường (WASE)	TP Hồ Chí Minh	-	-	-	TP Hồ Chí Minh	25,00%	25,00%	3.729.620.967
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	Đồng Nai	33,34%	33,34%	11.139.537.777	Đồng Nai	33,34%	33,34%	11.645.081.285
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	Hà Nội	20,00%	20,00%	2.037.172.964	Hà Nội	20,00%	20,00%	1.961.171.053
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	15,00%	(**)	8.143.978.410	Phú Thọ	15,00%	(**)	8.627.652.315
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Khánh Hòa	50,00%	50,00%	5.846.675.373	Khánh Hòa	83,33%	40,00%	5.884.547.021
Công ty CP Bất động sản Dầu khí Petrowaco	Hà Nội	24,90%	24,90%	37.105.435.166	Hà Nội	24,90%	24,90%	25.130.588.740
				65.382.818.780				100.144.710.168

(*) Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc đang được kế toán theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất này do Tổng công ty không thu thập được báo cáo tài chính của khoản đầu tư này.

(**) Tổng công ty Viwaseen có 2/5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem Thuyết minh số 42 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Điện nước An Giang	1.521.000.000	-	1.521.000.000	-
Công ty CP Siêu thị Vinaconex	200.000.000	-	200.000.000	-
Mua cổ phiếu Công ty Vinaconex. 6	435.181	-	435.181	-
Các công ty con mua CP của Công ty Viwaseen 4	117.576.080	-	117.576.080	-
Các công ty con mua CP của Công ty Viwaseen 15	1.220.303.364	(1.220.303.364)	1.220.303.364	-
	3.059.314.625	(1.220.303.364)	3.059.314.625	-

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
a) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	511.561.790.430	687.198.161.610
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	16.260.000
	<u>511.561.790.430</u>	<u>687.214.421.610</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>765.205.498</u>	<u>1.263.095.378</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)</i>		



6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	151.565.950.736	(79.684.114)	170.182.109.206	
Ký quỹ, ký cược	5.169.033.227	-	8.636.616.972	
Phải thu về cổ phần hóa (*)	15.578.299.249	-	15.578.299.249	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.090.650.395	-	4.840.181.907	-
Phải thu người lao động	859.203.893	-	440.581.476	-
Phải thu tiền mua cổ phần	206.550.000	-	234.090.000	-
Phải thu tiền bán cổ phần Công ty Viwaseen Huế	-	-	19.431.099.000	-
Phải thu BQL Dự án cấp nước Bắc Ninh	326.057.000	-	326.057.000	-
Phải thu Công ty VIWASEEN 4 về tiền vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.895.966.375	-	17.756.526.925	-
Thuế GTGT được khấu trừ chưa kê khai	4.063.914.145	-	1.467.449.076	-
Phải thu tiền BHXH của cán bộ nhân viên	1.207.667.941	-	963.161.298	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	412.761.551	-	102.605.314	-
Thu vượt khoán công trình	2.784.248.555	-	2.784.248.555	-
Phải thu tiền giữ lại tại Liên danh HACC1-Viwaseen	357.216.157	-	357.216.157	-
Phải thu tiền ban quản lý dự án xây dựng hệ thống cấp nước tại Dung Quất	502.176.000	-	502.176.000	-
Phải thu giá trị vật tư vị thất thoát ở các công trình	1.328.492.696	-	1.334.132.165	-
Phải thu của các đội xây lắp	-	-	93.528.307	-
Phải thu về đền bù giải phóng mặt bằng	841.371.200	-	841.371.200	-
Phải thu tiền thuê đất	1.597.385.455	-	-	-
Phải thu tạm ứng của các đối tượng đã chuyển công tác	5.092.729.305	-	9.392.776.434	-
Phải thu công nợ trước cổ phần hóa	2.260.179.440	-	2.186.454.440	-
Tiền phạt chậm tiến độ công trình Sông Công phải thu của đội thi công	492.940.280	-	-	-
Phải thu Công ty CP Xây dựng thương mại An Xuân Thịnh	933.252.872	-	-	-
Phải thu Công ty VIWASEEN 2 khối lượng cắt giảm công trình Nguyễn Tri Phương	-	-	926.325.844	-
Phải thu khác	3.371.273.917	(964.325.907)	8.473.204.514	-
	225.937.320.389	(1.044.010.021)	271.850.211.039	-

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.387.999.999	-	1.580.406.531	-
Phải thu khác	16.260.000	-	-	-
	1.404.259.999	-	1.580.406.531	-

(*) Số phải thu về cổ phần hóa bao gồm số tiền đã đầu tư vào Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4 với số tiền 8.226.979.050 VND và Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 15 - VIWASEEN.15 với số tiền 5.810.000.000 VND. Hai (02) khoản đầu tư này đã lỗ âm vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 nên Tổng công ty đã điều chỉnh sang khoản mục phải thu về cổ phần hóa để làm các thủ tục điều chỉnh giảm vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần.

7 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Hàng tồn kho	1.206.564.398	894.400.868
	1.206.564.398	894.400.868

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	88.014.658.815	31.970.693.415	81.366.919.302	78.293.147.658
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và sản xuất Đồng Phụng	47.868.000.000	14.360.400.000	47.868.000.000	47.868.000.000
- Các công ty khác	40.146.658.815	17.610.293.415	33.498.919.302	30.425.147.658
	88.014.658.815	31.970.693.415	81.366.919.302	78.293.147.658

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.625.568.263	-	21.563.658.245	-
Công cụ, dụng cụ	452.770.458	-	378.825.555	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	590.323.014.762	-	527.923.861.131	-
Thành phẩm	359.572.736	-	1.907.647.245	-
Hàng hóa	2.770.246.627	-	2.134.788.740	-
Hàng gửi đi bán	4.374.588.960	-	4.374.588.960	-
	614.905.761.806	-	558.283.369.876	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án 158/16 Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	15.676.929.067	15.661.944.173
Chung cư cao tầng số 10 Phở Quang, TP. Hồ Chí Minh	-	369.332.223.955
Dự án khu phức hợp Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	14.729.474.753	4.987.852.265
Trung tâm trưng bày vật tư và văn phòng làm việc	625.581.818	209.090.909
Dự án tổ hợp chung cư Trung Văn - Từ Liêm (i)	256.790.255.342	122.208.215.272
Dự án di dời giải phóng mặt bằng	-	1.193.765.155
Công trình xây dựng xưởng cơ điện nhà máy nước Tiên Trung	1.352.118.861	1.352.118.861
Dự án nâng cao công suất nhà máy nước Tiên Trung	499.062.274	499.062.274
Dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bắc Sông Hồng (Nhà máy nước Sông Đuống) (ii)	3.724.101.701	3.724.101.701
Dự án Khu Đô thị Hoài Đức Hà Tây	843.352.991	843.352.991
Dự án tổ hợp chung cư Hạ Đình - Thanh Xuân (iii)	6.843.264.184	4.805.694.917
Dự án XDCB dở dang tại Công ty Viwaseen Phương Hướng	3.565.279.281	3.565.279.281
Dự án Phường Đông Hưng Thuận - Quận 12	320.261.400	319.761.400
Dự án chung cư Vũng Tàu	724.406.397	563.553.264
Dự án kho tại xã Biên Hoà - Đồng Nai	2.591.364.349	-
Chi phí xây dựng nâng công suất Nhà máy nước ĐakMin	442.308.813	-
Tiền mua đất	700.000.000	-
Dự án khu văn phòng Phước Long	594.389.876	-
Dự án Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Hải Phòng	947.024.537	-
Các công trình khác	89.880.268	502.991.960
	311.059.055.912	529.769.008.378

(i) Dự án Đầu tư tổ hợp chung cư tại xã Trung Văn - Từ Liêm ("Dự án Trung Văn") được thực hiện theo Quyết định phê duyệt đầu tư dự án số 559/QĐ-HĐQT ngày 24/12/2008, Quyết định số 43/QĐ-HĐTV ngày 27/11/2011 điều chỉnh quyết định số 559/QĐ-HĐQT và Quyết định số 29/QĐ-HĐQT ngày 12/09/2014 điều chỉnh Dự án Trung Văn. Tổng mức đầu tư của dự án sau điều chỉnh là 947.145.000.000 VND. Hiện tại dự án đã thực hiện xây dựng xong phần ngầm, thời gian dự kiến hoàn thành là quý IV năm 2018.

(ii) Ngày 28/02/2014 Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 264/TTg-KTN về việc giao cho Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (HAWACO) tiếp nhận và triển khai dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Nhà máy nước Sông Đuống. Theo đó Tổng công ty đang làm các thủ tục để bàn giao các khoản chi phí đã đầu tư dự án cho Công ty HAWACO.

(iii) Dự án được đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Tiến Đạt Phát về việc xây dựng Nhà ở chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê Viwaseen Hạ Đình. Theo đó Viwaseen sẽ góp vốn bằng quyền thuê đất tại số 56-58 ngõ 85, Phố Hạ Đình và toàn bộ chi phí tính đến 31/12/2014. Từ năm 2015 bên Tiến Đạt Phát sẽ toàn quyền thực hiện đầu tư và kinh doanh sản phẩm của dự án và chịu toàn bộ chi phí kể cả tiền thuê đất. Sau khi kết thúc hoàn thành công trình, Viwaseen sẽ được hưởng 2.800m2 sàn nhà thương phẩm tương đương 41 tỷ VND và 2.000m2 sàn văn phòng thương phẩm.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	74.638.813.088	49.998.698.521	122.033.005.054	17.032.120.918	145.090.909	263.847.728.490
- Mua trong năm	-	3.561.624.000	3.338.587.455	279.650.000	-	7.179.861.455
- Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	1.104.280.364	-	-	1.104.280.364
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.815.173.280	-	-	-	-	3.815.173.280
- Tăng khác	-	-	6.000.000	-	-	6.000.000
- Phân loại lại	(26.815.775.008)	10.111.090	26.801.062.281	149.692.546	(145.090.909)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(3.865.520.343)	(10.368.438.558)	(3.536.855.208)	(240.874.343)	-	(18.011.688.452)
- Giảm khác	-	(54.689.731)	-	(414.558.285)	-	(469.248.016)
Số dư cuối năm	47.772.691.017	43.147.305.322	149.746.079.946	16.806.030.836	-	257.472.107.121
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	29.011.677.091	37.032.528.350	38.203.970.377	15.030.802.591	99.323.313	119.378.301.722
- Khấu hao trong năm	2.140.289.794	2.640.977.919	7.493.207.123	1.805.597.869	-	14.080.072.705
- Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	598.271.494	-	-	598.271.494
- Phân loại lại	(2.886.130.070)	(84.341.130)	2.973.468.188	96.326.325	(99.323.313)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(3.544.633.009)	(9.573.921.606)	(3.017.131.215)	(240.874.343)	-	(16.376.560.173)
- Giảm khác	-	(27.204.314)	-	(414.558.285)	-	(441.762.599)
Số dư cuối năm	24.721.203.806	29.988.039.219	46.251.785.967	16.277.294.157	-	117.238.323.149
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	45.627.135.997	12.966.170.171	83.829.034.677	2.001.318.327	45.767.596	144.469.426.768
Tại ngày cuối năm	23.051.487.211	13.159.266.103	103.494.293.979	528.736.679	-	140.233.783.972

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 45.855.874.803 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 42.597.509.631 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 845.726.761 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.065.451.273	2.065.451.273
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.104.280.364)	(1.104.280.364)
Số dư cuối năm	961.170.909	961.170.909
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	746.570.511	746.570.511
- Khấu hao trong năm	252.268.959	252.268.959
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(598.271.494)	(598.271.494)
Số dư cuối năm	400.567.976	400.567.976
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.318.880.762	1.318.880.762
Tại ngày cuối năm	560.602.933	560.602.933

105 - C
CÔNG TY
KIỂM HỮU HẠ
KIỂM TOÁN
ASC
KIỂM - TP

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	120.000.000	1.347.360.135	3.150.000.000	86.500.000	100.000.000	4.803.860.135
- Mua trong năm	4.325.000.000	-	-	-	-	4.325.000.000
Số dư cuối năm	4.445.000.000	1.347.360.135	3.150.000.000	86.500.000	100.000.000	9.128.860.135
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	482.076.051	903.000.000	86.500.000	100.000.000	1.571.576.051
- Khấu hao trong năm	-	67.368.006	126.000.000	-	-	193.368.006
Số dư cuối năm	-	549.444.057	1.029.000.000	86.500.000	100.000.000	1.764.944.057
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	120.000.000	865.284.084	2.247.000.000	-	-	3.232.284.084
Tại ngày cuối năm	4.445.000.000	797.916.078	2.121.000.000	-	-	7.363.916.078

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	113.431.501.845	113.431.501.845
Số dư cuối năm	113.431.501.845	113.431.501.845
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	37.151.079.372	37.151.079.372
- Khấu hao trong năm	4.741.683.028	4.741.683.028
Số dư cuối năm	41.892.762.400	41.892.762.400
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	76.280.422.473	76.280.422.473
Tại ngày cuối năm	71.538.739.445	71.538.739.445

- Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 71.538.739.445 đồng.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.271.751.374 đồng.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà làm việc và Văn phòng cho thuê 13 tầng tại số 10 Phở Quang, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	105.479.649	5.533.427.676
Chi phí khác chờ phân bổ	791.856.691	836.686.376
Chi phí sửa chữa	13.200.000	-
Chi phí thuê văn phòng	164.076.480	-
Chi phí lương, bảo hiểm	363.527.416	-
	1.438.140.236	6.370.114.052
b) Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh	206.134.836	306.134.836
Giá trị thương hiệu Viwaseen	228.019.673	292.884.837
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.312.206.462	9.192.651.879
Ghi nhận chi phí thương hiệu theo biên bản XDGTDN	5.333.333.333	8.000.000.000
Phí bảo hiểm, bảo lãnh công trình	-	17.363.793
Tiền sử dụng đất phải nộp tại dự án Trung Văn	-	79.565.325.065
Chi phí sửa chữa	138.209.453	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	958.670.346	1.140.881.473
	13.176.574.103	98.515.241.883

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con và công ty liên kết	9.451.805.700	23.214.655.600
	<u>9.451.805.700</u>	<u>23.214.655.600</u>

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		31/12/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng	554.941.211.661	554.941.211.661	520.805.536.063	520.805.536.063
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	14.546.037.083	14.546.037.083	1.806.085.736	1.806.085.736
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN I	49.438.709.100	49.438.709.100	3.019.861.898	3.019.861.898
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Đông Anh	29.907.300.000	29.907.300.000	58.387.105.300	58.387.105.300
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	107.236.593.468	107.236.593.468	105.009.140.499	105.009.140.499
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	34.975.802.910	34.975.802.910	34.997.873.100	34.997.873.100
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	10.722.204.102	10.722.204.102	13.299.684.828	13.299.684.828
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Ba Đình	9.651.201.871	9.651.201.871	19.819.793.225	19.819.793.225
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thanh Trì	14.955.433.346	14.955.433.346	48.629.436.057	48.629.436.057
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ba Đình	231.878.983.687	231.878.983.687	185.148.701.086	185.148.701.086
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	7.807.680.435	7.807.680.435	22.060.298.116	22.060.298.116
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch I	43.821.265.659	43.821.265.659	28.627.556.218	28.627.556.218
Vay đối tượng khác	22.472.483.146	22.472.483.146	17.942.747.959	17.942.747.959
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5.123.442.961	5.123.442.961	9.808.743.257	9.808.743.257
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	323.442.961	323.442.961	166.044.432	166.044.432
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Ba Đình	-	-	391.000.000	391.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	4.800.000.000	4.800.000.000	4.960.000.000	4.960.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	-	-	4.291.698.825	4.291.698.825
	582.537.137.768	582.537.137.768	548.557.027.279	548.557.027.279



	01/01/2015		31/12/2015	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng	111.905.234.608	111.905.234.608	185.754.084.688	185.754.084.688
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bến Thành	-	-	973.300.000	973.300.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Ba Đình	1.029.000.000	1.029.000.000	902.000.000	902.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	14.317.247.900	14.317.247.900	10.295.821.480	10.295.821.480
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	-	-	85.833.976.500	85.833.976.500
- Vay đối tượng khác	96.558.986.708	96.558.986.708	87.748.986.708	87.748.986.708
Nợ thuê tài chính dài hạn	489.487.398	489.487.398	166.044.432	166.044.432
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	489.487.398	489.487.398	166.044.432	166.044.432
	112.394.722.006	112.394.722.006	185.920.129.120	185.920.129.120
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.123.442.961)	(5.123.442.961)	(9.808.743.257)	(9.808.743.257)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	107.271.279.045	107.271.279.045	176.111.385.863	176.111.385.863

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	468.377.344.838	468.377.344.838	546.066.633.777	546.066.633.777
Phải trả người bán dài hạn	2.628.402.606	2.628.402.606	3.640.943.794	3.640.943.794
	471.005.747.444	471.005.747.444	549.707.577.571	549.707.577.571
Phải trả người bán là các bên liên quan	342.666.923	342.666.923	342.666.923	342.666.923
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)</i>				

TY
M HỮU
VIỆT
AAS
N KIE

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	37.620.534	27.687.352.064	62.810.646.582	62.839.994.098	-	27.620.384.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.248.544.540	7.355.017.064	33.057.507.538	7.818.529.936	1.192.813.128	32.538.263.254
Thuế thu nhập cá nhân	3.791.594	2.767.620.015	836.208.918	1.088.871.992	5.219.005	2.516.384.352
Thuế tài nguyên	-	20.517.771	188.062.815	171.448.700	-	37.131.886
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	11.070.327.365	28.094.270.982	32.473.602.880	-	6.690.995.467
Thuế khác	-	663.019.201	301.974.606	499.944.525	-	465.049.282
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	79.644.266.336	352.149.126	79.939.863.491	1.145.667	57.697.638
	<u>1.289.956.668</u>	<u>129.208.119.816</u>	<u>125.640.820.567</u>	<u>184.832.255.622</u>	<u>1.199.177.800</u>	<u>69.925.905.893</u>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí thuê máy phải trả	-	675.147.926
Chi phí lãi vay phải trả	400.216.405	322.092.492
Chi phí trích trước các công trình	72.996.230.675	42.075.656.978
Phải trả về chi phí mua ngoài nguyên vật liệu, máy thi công, nhân công	2.981.823.631	-
Chi phí phải trả khác	968.004.199	-
	77.346.274.910	43.072.897.396

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.592.850.722	1.491.243.261
Bảo hiểm xã hội	6.182.233.839	5.363.656.161
Bảo hiểm y tế	308.383.214	418.956.041
Bảo hiểm thất nghiệp	183.713.249	166.249.578
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.863.464.058	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.586.568.397	59.831.639.823
- Tiền ủng hộ thiên tai	100.388.462	100.388.462
- Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	345.446.447	550.945.158
- Phải trả Công ty CP đầu tư địa ốc Đông Dương về đầu tư góp vốn dự án An Thịnh	533.176.000	533.176.000
- Phải trả XN Xây dựng Cấp thoát nước số 104	2.873.708.839	2.582.638.890
- Tiền vay cá nhân để thực hiện dự án	10.345.954.112	8.210.645.411
- Thu hộ tiền mua cổ phần trúng đấu giá Tổng công ty	-	1.542.826.043
- Tiền trợ cấp lao động khi cổ phần hóa	54.329.400	54.329.400
- Phải trả tiền tạm ứng cho các đội thi công	11.787.269.488	10.603.154.821
- Phí sử dụng tài sản thế chấp	-	75.368.000
- Phải trả tiền lãi vay	1.305.224.269	530.260.467
- Các khoản phải trả khác	32.241.071.380	35.047.907.171
	69.717.213.479	67.271.744.864
b) Dài hạn		
Phải trả tiền góp vốn xây dựng chung cư	-	167.765.303.348
Tổng Công ty phát triển nhà và đô thị góp vốn dự án quận 9	3.639.889.798	-
Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	23.399.357.277	18.175.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	22.169.477.903	20.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	-	125.000.000.000
	49.208.724.978	330.940.303.348

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03092014/Viwaseen-TĐP ngày 03/09/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Tiến Đại Phát để thực hiện dự án Tổ hợp Nhà ở chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê Viwaseen - Hạ Đình tại phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự kiến là 704 tỷ đồng. Tổng Công ty Viwaseen góp vốn bằng quyền thuê đất và các chi phí đã chi ra, Công ty TNHH Tiến Đại Phát góp vốn bằng tiền để triển khai dự án. Thời gian thực hiện dự án là 36 tháng kể từ 09/2014. Khi dự án hoàn thành, Tổng công ty sẽ nhận được 2.800m2 sàn nhà ở tương đương 41 tỷ VND và 2.000m2 sàn văn phòng thương phẩm của dự án.

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công trình xây dựng mở rộng nhà máy nước Vật Cách - Hải Phòng	-	19.502.727
Công trình xây dựng tại Công ty Viwaseen 6	-	1.744.078.152
	<u>-</u>	<u>1.763.580.879</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng	5.409.816.976	5.528.071.520
Lắp đặt đồng hồ nước	563.269.045	563.269.045
	<u>5.973.086.021</u>	<u>6.091.340.565</u>

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

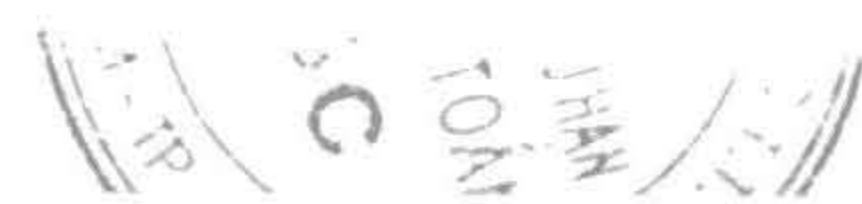
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	9.608.626.750	-
	<u>9.608.626.750</u>	<u>-</u>

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	519.150.470.754	6.357.561.047	2.525.821.399	(75.330.000)	-	27.682.216.330	(10.411.972.355)	139.236.254.036	684.465.021.211
Tăng vốn trong năm trước	10.691.000.000	-	-	-	-	-	-	-	10.691.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.672.105.325	11.414.025.039	19.086.130.364
Tăng do điều chỉnh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	50.344.529.246	-	-	-	-	-	-	-	50.344.529.246
Tăng khác	-	-	311.937.227	-	-	-	1.330.715.386	-	1.642.652.613
Tăng do hợp nhất báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-	22.629.950.459	-	22.629.950.459
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	4.985.126.335	(17.775.281.774)	-	(12.790.155.439)
Giảm do điều chỉnh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(2.080.314.248)	(540.754.252)	-	(2.621.068.500)
Giảm do hợp nhất báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	(3.480.815.416)	(983.542.198)	-	(4.464.357.614)
Giảm do không hợp nhất Viwaseen 4 và Viwaseen 15	-	(115.335.115)	(16.810.010)	-	-	(1.083.670.337)	-	-	(1.215.815.462)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(15.432.045.569)	(1.938.584.826)	(182.141.236)	(8.694.428.290)	(26.247.199.921)
Số dư cuối năm trước	580.186.000.000	6.242.225.932	2.820.948.616	(75.330.000)	(15.432.045.569)	24.083.957.838	1.739.079.355	141.955.850.785	741.520.686.957

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Điều chỉnh hồi tố cho giai đoạn từ 2009 - 2013									
Các khoản phạt thuế, truy thu thuế	-	-	-	-	-	-	(1.138.262.515)	-	(1.138.262.515)
	-	-	-	-	-	-	(2.171.510.389)	-	(2.171.510.389)
Hoàn nhập chi phí trích trước đã xác định doanh thu nhưng chưa có chi phí	-	-	-	-	-	-	708.943.750	-	708.943.750
Hoàn nhập công nợ phải trả người bán không phải trả	-	-	-	-	-	-	324.304.124	-	324.304.124
Điều chỉnh hồi tố cho giai đoạn từ 01/01/2014 - 31/12/2014									
Các khoản phạt thuế, truy thu thuế	-	-	-	-	-	-	5.179.104.254	-	5.179.104.254
	-	-	-	-	-	-	(10.601.578)	-	(10.601.578)
Hoàn nhập chi phí trích trước đã xác định doanh thu nhưng chưa có chi phí	-	-	-	-	-	-	4.056.208.540	-	4.056.208.540
Hoàn nhập công nợ phải trả người bán không phải trả	-	-	-	-	-	-	1.133.497.292	-	1.133.497.292
Tăng khác	-	4.470.628	23.009.653	-	-	636.678.282	3.469.196.838	-	4.133.355.401
Giảm khác	-	(9.477.835)	-	-	(20.433.111)	-	-	(6.923.263.713)	(6.953.174.659)
Số dư cuối năm trước sau điều chỉnh hồi tố	580.186.000.000	6.237.218.725	2.843.958.269	(75.330.000)	(15.452.478.680)	24.720.636.120	9.249.117.932	135.032.587.072	742.741.709.438



	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tăng do góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	5.884.500.000	5.884.500.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	15.743.326.090	14.366.423.126	30.109.749.216
Kết chuyển quỹ	-	-	676.357.883	-	-	(676.357.883)	-	-	-
Hoàn nhập các khoản khách hàng trả tiền trước lâu ngày	-	-	-	-	-	-	213.636.364	-	213.636.364
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi, khen thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-	-	(2.556.897.885)	(964.600.262)	(3.521.498.147)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	-	-	-	-	-	4.722.906.750	(4.722.906.750)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(8.533.951.011)	(8.533.951.011)
Thanh lý công ty liên kết	-	-	(311.937.227)	-	884.893.846	(365.937.985)	(207.018.634)	-	-
Tăng/ giảm vốn tại Công ty con, liên kết	-	-	-	-	-	-	(534.079.944)	636.679.300	102.599.356
Tăng/ giảm khác	-	-	-	75.330.000	-	9.381.364	5.284.270	(96.740.458)	(6.744.824)
Số dư cuối năm nay	580.186.000.000	6.237.218.725	3.208.378.925	-	(14.567.584.834)	28.410.628.366	17.190.461.443	146.324.897.767	766.990.000.392

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 07 năm 2015, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	436.705.820
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.033.099.659
Phần tăng/giảm các quỹ còn lại do phân phối lợi nhuận tại các công ty con.	

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	569.495.000.000	98,16	569.495.000.000	98,16
Vốn góp của các cổ đông khác	10.691.000.000	1,84	10.691.000.000	1,84
	580.186.000.000	100,00	580.186.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	580.186.000.000	519.150.470.754
- Vốn góp tăng trong năm	-	61.035.529.246
- Vốn góp cuối năm	580.186.000.000	580.186.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.018.600	58.018.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.069.100	1.069.100
- Cổ phiếu phổ thông	1.069.100	1.069.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.018.600	58.018.600
- Cổ phiếu phổ thông	58.018.600	58.018.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.410.628.366	24.720.636.120
	28.410.628.366	24.720.636.120

25 . CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	(15.452.478.680)	-
Số tăng trong năm	884.893.846	
Số giảm trong năm	-	(15.452.478.680)
Số dư cuối năm	(14.567.584.834)	(15.452.478.680)

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
USD	14.931,08	27.949,77
EUR	271.975,28	1.707,02
JPY	4.085,89	6.623,00

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	50.985.106.609	18.891.003.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.086.097.891	91.486.586.598
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.062.634.391.098	1.226.346.374.526
Doanh thu chuyển nhượng dự án đầu tư	345.000.000.000	-
	1.559.705.595.598	1.336.723.964.424
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	284.876.010	-

28 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giảm giá hàng bán	1.662.546.091	3.941.452.879
	1.662.546.091	3.941.452.879

29 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.068.060.635	17.674.823.210
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	76.105.241.527	48.683.616.866
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.042.645.872.704	1.098.515.023.812
Giá vốn chuyển nhượng dự án đầu tư	210.981.031.618	-
	1.356.800.206.484	1.164.873.463.888

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.629.120.240	4.001.143.740
Lãi bán các khoản đầu tư	30.310.379.033	13.287.433.827
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.027.900	1.229.831.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.351.072.829	237.265.668
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.731.969.178
	34.690.600.002	20.487.643.713

31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	40.165.062.292	54.700.913.896
Chi phí tư vấn thoái vốn	305.565.385	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.045.532.712	539.852.584
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.220.303.364	42.535.817
Chi phí tài chính khác	415.188.143	2.087.351.946
	48.151.651.896	57.370.654.243

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.239.779.584	3.040.767.970
Chi phí nhân công	53.726.685.727	49.375.041.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.454.375.464	3.564.362.386
Thuế, phí và lệ phí	2.367.656.920	1.322.339.063
Chi phí dự phòng	55.352.425.690	5.034.195.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.134.456.371	12.670.741.428
Chi phí khác bằng tiền	14.224.214.557	17.140.090.297
Chi phí quản lý năm 2013 phân bổ vào chi phí năm 2014	-	5.051.044.949
	149.499.594.313	97.198.582.519

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý Tài sản cố định	26.606.319.370	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	339.380.454	106.874.610
Thanh lý vật tư	586.223.911	-
Thu nhập từ cho thuê kho	11.830.909	35.492.727
Xử lý công nợ	274.507.424	1.629.444.383
Tiền bồi thường	387.682.454	-
Tiền phạt thu được	207.978.000	-
Hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng	9.000.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	838.754.687	-
Thu nhập khác	2.691.363.440	1.284.457.255
	40.944.040.649	3.056.268.975

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội	189.021.051	179.097.935
Thanh lý vật tư	990.783.441	82.423.322
Phạt thuế	302.553.291	88.743.084
Thanh lý công cụ dụng cụ và hàng tồn kho	1.462.599.367	60.290.140
Lãi phạt trả chậm	5.389.756.440	128.630.428
Tiền phạt chậm nộp thuế	2.728.203.327	788.946.683
Xử lý do mất vật tư Công trình dự án Waseco Plaza	873.808.566	-
Chi phí xuất phế phẩm	2.267.348.289	-
Chi phí chuyển nhượng	60.658.010	-
Chi phí khác	3.675.735.391	971.170.354
	17.940.467.173	2.299.301.946

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	27.923.134.500	5.129.819.331
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	55.731.412	-
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2-VIWASEEN.2	-	23.830.653
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	1.937.530.214	1.517.239.177
Công ty CP VIWASEEN.6	249.110.046	263.996.223
Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước - VIWASEEN.11	447.305.177	314.979.578
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12-VIWASEEN.12	353.328.289	484.652.659
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước - VIWASEEN.14	1.781.233.150	445.096.088
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	310.134.750	264.365.325
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.057.507.538	8.443.979.034

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.743.326.090
Các khoản điều chỉnh:	-
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (i)</i>	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.743.326.090
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	58.018.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	271

(i) Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.



37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	228.246.525.181	-	89.609.869.087	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	738.903.370.818	(56.043.965.400)	960.645.039.180	(3.073.771.644)
Đầu tư ngắn hạn	86.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	3.059.314.625	(1.220.303.364)	3.059.314.625	-
	1.056.209.210.624	(57.264.268.764)	1.064.314.222.892	(3.073.771.644)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ				
Phải trả người bán, phải trả khác			724.668.413.142	689.808.416.813
Chi phí phải trả			589.931.685.901	947.919.625.783
			77.346.274.910	43.072.897.396
			1.391.946.373.953	1.680.800.939.992

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và tương đương tiền	228.246.525.181	-	-	228.246.525.181
Phải thu khách hàng, phải thu khác	681.455.145.419	1.404.259.999	-	682.859.405.418
Đầu tư ngắn hạn	86.000.000.000	-	-	86.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.839.011.261	-	1.839.011.261
	995.701.670.600	3.243.271.260	-	998.944.941.860

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và tương đương tiền	89.609.869.087	-	-	89.609.869.087
Phải thu khách hàng, phải thu khác	955.974.601.005	1.596.666.531	-	957.571.267.536
Đầu tư ngắn hạn	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	3.059.314.625	-	3.059.314.625
	1.056.584.470.092	4.655.981.156	-	1.061.240.451.248

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	548.557.027.279	176.111.385.863	-	724.668.413.142
Phải trả người bán, phải trả khác	538.094.558.317	51.837.127.584	-	589.931.685.901
Chi phí phải trả	77.346.274.910	-	-	77.346.274.910
	1.163.997.860.506	227.948.513.447	-	1.391.946.373.953
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	582.537.137.768	107.271.279.045	-	689.808.416.813
Phải trả người bán, phải trả khác	613.338.378.641	334.581.247.142	-	947.919.625.783
Chi phí phải trả	43.072.897.396	-	-	43.072.897.396
	1.238.948.413.805	441.852.526.187	-	1.680.800.939.992

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 5925/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội ngày 20/09/2013 gia hạn tiền nộp sử dụng đất đối với Dự án Tổ hợp nhà ở để bán kết hợp văn phòng và dịch vụ thương mại tại Xã Trung Văn, Từ Liêm và Phường Nhân Chính, Thanh Xuân. Theo đó, tổng số tiền được gia hạn là 120.907.705.843 VND chia ra theo từng Quý và chậm nhất đến ngày 30/10/2014 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ ngân sách. Thông báo số 7788/CCT- Tr.bạ ngày 31/10/2014 của Chi Cục thuế Nam Từ Liêm thông báo về việc nợ tiền sử dụng và tiền nộp chậm của Tổng Công ty với số tiền chậm nộp là 8.067.324.776 VND. Ngày 07/08/2015, Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ sử dụng đất và gửi Công văn số 672/CTN-TCKT ngày 19/08/2015 xin miễn giảm toàn bộ tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất đối với dự án Trung Văn tuy nhiên chưa có phản hồi từ cơ quan chức năng.

39 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.077.757.576.036	968.351.202.028
	1.077.757.576.036	968.351.202.028

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.042.867.888.071)	(1.082.868.883.442)
	(1.042.867.888.071)	(1.082.868.883.442)

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và hoạt động bất thường trong năm là chuyển nhượng dự án; hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ có doanh thu dưới 10%/ tổng doanh thu Tổng Công ty. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phát sinh trên địa bàn Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Góp vốn vào Công ty			
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Công ty liên kết	-	5.800.000.000

Thoái vốn đầu tư

- Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Công ty liên kết, đã thoái vốn	3.729.620.967	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc	Công ty liên kết, đã thoái vốn	42.000.000.000	-

Doanh thu

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật TSC	Công ty liên kết	104.988.522	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí-PETROWACO	Công ty liên kết	179.887.488	-

Cổ tức lợi nhuận được chia

- Công ty Cổ phần Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Công ty liên kết, đã thoái vốn	400.000.000	400.000.000
- Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	Công ty liên doanh	1.841.375.781	2.339.347.137
- Công ty Cổ phần Xăng dầu, Dầu khí Phú Thọ	Công ty liên kết	375.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí-PETROWACO	Công ty liên kết	593.041.498	1.090.931.378
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen 7	Công ty liên kết	172.164.000	172.164.000
Phải thu khác ngắn hạn			
- Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	Công ty liên kết	1.841.375.781	2.339.347.137
- Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí-PETROWACO	Công ty liên kết	1.292.854.355	2.366.025.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường (WASE)	Công ty liên kết, đã thoái vốn	400.000.000	408.630.600
Phải trả người bán			
- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường (WASE)	Công ty liên kết, đã thoái vốn	342.666.923	342.666.923
Trả trước cho người bán			
- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường (WASE)	Công ty liên kết, đã thoái vốn	-	945.582.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.932.664.757	2.382.286.500

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với số liệu so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND (1)	Số liệu điều chỉnh lại VND (2)	Chênh lệch VND (3) = (2) - (1)
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất				
- Các khoản phải thu khác	135	92.651.333.355	93.031.484.861	380.151.506
- Hàng tồn kho	140	558.223.479.099	558.283.369.876	59.890.777
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.500.163.490	6.370.114.052	869.950.562
- Thuế GTGT được khấu trừ	152	11.194.154.677	10.360.496.520	(833.658.157)
- Tài sản ngắn hạn khác	158	179.715.127.046	179.713.127.046	(2.000.000)
- Tài sản cố định hữu hình	221	220.749.849.241	144.469.426.768	(76.280.422.473)
- Bất động sản đầu tư	240	-	76.280.422.473	76.280.422.473
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	100.431.500.595	100.144.710.168	(286.790.427)
- Đầu tư dài hạn khác	258	6.073.693.456	3.059.314.625	(3.014.378.831)
- Chi phí trả trước dài hạn	261	99.385.192.445	98.515.241.883	(869.950.562)
- Phải trả người bán	312	547.262.599.905	546.066.633.777	(1.195.966.128)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	127.711.413.349	129.208.119.816	1.496.706.467
- Chi phí phải trả	316	47.810.095.348	43.072.897.396	(4.737.197.952)
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	80.182.367.424	67.271.744.864	(12.910.622.560)
- Phải trả dài hạn khác	333	324.602.371.355	330.940.303.348	6.337.931.993
- Doanh thu chưa thực hiện	338	1.763.580.879	7.854.921.444	6.091.340.565
- Thặng dư vốn cổ phần	412	6.242.225.932	6.237.218.725	(5.007.207)
- Vốn khác của chủ sở hữu	413	2.820.948.616	2.843.958.269	23.009.653
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	(15.432.045.569)	(15.452.478.680)	(20.433.111)
- Quỹ đầu tư phát triển	417	24.083.957.838	24.720.636.120	636.678.282
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1.739.079.355	9.249.117.932	7.510.038.577
- Nguồn kinh phí	432	13.908.246	13.908.248	2
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	139.236.254.036	135.032.587.072	(4.203.666.964)

	<u>Mã số</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND (1)	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND (2)	<u>Chênh lệch</u> VND (3) = (2) - (1)
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
- Giá vốn hàng bán	11	1.170.364.337.865	1.164.873.463.888	(5.490.873.977)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	97.200.937.514	97.198.582.519	(2.354.995)
- Chi phí tài chính	22	55.935.988.806	57.370.654.243	1.434.665.437
- Thu nhập khác	31	2.268.317.873	3.056.268.975	787.951.102
- Chi phí khác	32	2.631.891.563	2.299.301.946	(332.589.617)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27.815.318.376	32.994.422.630	5.179.104.254

Ngoài ra, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay:

<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014</u>			<u>Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC</u>			<u>Thay đổi</u>
<u>Mã số</u>	<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền (Đã điều chỉnh)</u>	<u>Mã số</u>	<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>	
a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
135	Các khoản phải thu khác	93.031.484.861	136	Phải thu ngắn hạn khác	271.850.211.039	178.818.726.178
158	Tài sản ngắn hạn khác	179.713.127.046	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(179.713.127.046)
			139	Tài sản thiếu chờ xử lý	894.400.868	894.400.868
218	Phải thu dài hạn khác		216	Phải thu dài hạn khác	1.580.406.531	1.580.406.531
268	Tài sản dài hạn khác	1.580.406.531	268	Tài sản dài hạn khác	-	(1.580.406.531)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	529.769.008.378	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	529.769.008.378	-
311	Vay và nợ ngắn hạn	582.537.137.768	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	582.537.137.768	-
312	Phải trả người bán	546.066.633.777	311	Phải trả người bán ngắn hạn	546.066.633.777	-
316	Chi phí phải trả	43.072.897.396	315	Chi phải phải trả ngắn hạn	43.072.897.396	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.271.744.864	319	Phải trả ngắn hạn khác	67.271.744.864	-
333	Phải trả dài hạn khác	330.940.303.348	337	Phải trả dài hạn khác	330.940.303.348	-

Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Khoản mục	Số tiền (Đã điều chỉnh)	Mã số	Khoản mục	Số tiền	
a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
334	Vay và nợ dài hạn	107.271.279.045	338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	107.271.279.045	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	580.186.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	580.186.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	580.186.000.000	
417	Quỹ đầu tư phát triển	18.360.613.350	418	Quỹ đầu tư phát triển	24.720.636.120	6.360.022.770
418	Quỹ dự phòng tài chính	6.360.022.770				(6.360.022.770)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.249.117.932	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.249.117.932	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	(3.887.300.625)	
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	13.136.418.557	

Người lập biểu



Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Bùi Khánh Linh

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016



Lê Khả Mạnh